

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỂU CẦN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 24 - 3 - 2022

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Quyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận.

Ông Nguyễn Văn Bé.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Văn Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hùng Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2022 và quyết định hoãn phiên toàn số 08/2022/ QĐST-HNGĐ ngày 09/3/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1978 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Tạm trú: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

**- Bị đơn:** Ông Đặng Thanh S, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2021 và bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:**

Vào ngày 24/01/1996, bà xác lập quan hệ vợ chồng với ông Đặng Thanh S và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống bà và ông S có hai người con chung tên Đặng Thị Thảo Nh, sinh ngày 06/01/1997 và cháu Đặng Thị Thảo Nh1, sinh ngày 21/10/2000. Bà và ông S không xác lập tài sản chung và cũng không có nợ chung. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 vợ chồng thường xuyên cự cãi qua lại với nhau nguyên nhân do ông S tự ý bắt con gái bà đi xuất khẩu lao động ở Nhật không bàn bạc với bà nên bà đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống và ly thân với ông S từ năm 2015 đến nay. Bà thấy không còn tình cảm với ông S. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Đặng Thanh S.

- Về con chung: Hai cháu Đặng Thị Thảo Nh, sinh ngày 06/01/1997 và cháu Đặng Thị Thảo Nh1, sinh ngày 21/10/2000 đã thành niên sống tự lập, nên bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Đặng Thanh S đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên hòa giải hai lần và được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hai lần nhưng ông Đặng Thanh S đều vắng mặt và không có lời trình bày.*

*Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất và không thống nhất: Không có.*

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn còn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51 và 56, 81,82,83,84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc cho bà ly hôn với ông Đặng Thanh S và xử lý án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, suốt quá trình thụ lý vụ án đến nay bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### *- Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Đặng Thanh S. Đồng thời bị đơn có địa chỉ tại ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bà C (có đơn xin xét xử vắng mặt). Riêng ông Đặng Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

### *- Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo bà Nguyễn Thị C khai thì cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01, vào ngày 24/01/1996. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với tài liệu đã cung cấp là Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã M cấp ngày 24/01/1996 nên xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị C và ông Đặng Thanh S là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn bà C trình bày năm 2015 ông S tự ý bắt con gái bà đi xuất khẩu lao động ở Nhật không bàn bạc với bà nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Do đó bà đã bỏ về nhà mẹ ruột và sống ly thân với ông S từ năm 2015 đến nay. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà nhận thấy không còn tình cảm với ông S nên xin ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm trong cách chăm sóc giáo dục con cái, phát sinh từ lần cháu Nh đi xuất khẩu lao động vào năm 2015 nên bà C và ông S đã sống ly thân đến nay (hơn 07 năm), không ai quan tâm cuộc sống của ai. Hiện vợ chồng bà C và ông S mỗi người đều có cuộc sống riêng, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã mời hòa giải hai lần vào các ngày 17/01/2022 và 08/02/2022 để tạo điều kiện hàn gắn hôn nhân giữa bà C và ông S. Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng ông S đều vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông S cũng không có ý muốn hàn gắn cùng bà C. Trong các lần hòa giải bà C khẳng định không còn yêu thương ông S. Từ những nhận định trên chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà C và ông S đã kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà C được ly hôn với ông S.

[4] Về con chung: Hai cháu Đặng Thị Thảo NH, sinh ngày 06/01/1997 và cháu Đặng Thị Thảo Nh1, sinh ngày 21/10/2000 đã thành niên sống tự lập, bà Nguyễn Thị C không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị C khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ông Đặng Thanh S vắng mặt nên không có lời khai. Hội đồng xét xử dành cho ông Đặng Thanh S quyền khởi kiện một vụ kiện khác nếu có yêu cầu và chứng minh được về tài sản chung và nợ chung.

[6] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Đặng Thanh S.

**2.** Về con chung: Hai cháu Đặng Thị Thảo Nh, sinh ngày 06/01/1997 và cháu Đặng Thị Thảo Nh1, sinh ngày 21/10/2000 đã thành niên sống tự lập, bà Nguyễn Thị C không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị C khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ông Đặng Thanh S

vắng mặt nên không có lời khai. Hội đồng xét xử dành cho ông Đặng Thanh S quyền khởi kiện một vụ kiện khác nếu có yêu cầu về tài sản chung và nợ chung.

**4. Về án phí:** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002299 ngày 20/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Bà Nguyễn Thị C đã nộp xong án phí.

**5. Quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai hợp pháp để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Trà Vinh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã M, huyện T,  
tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Võ Thị Ngọc Quyền**

.



